

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 7/LĐTBXH-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 1995

THÔNG TƯ

**Của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội số 7-LĐTBXH/TT ngày 11-4-1995
Hướng dẫn thực hiện một số điều của Bộ luật Lao động ngày 23-6-1994 và
Nghị định số 195-CP ngày 31-12-1994 của Chính phủ về thời giờ làm việc, thời
giờ nghỉ ngơi.**

*Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23-6-1994 và Nghị định số 195-CP ngày 31-12-1964
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ Luật Lao
động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
hướng dẫn thực hiện một số điều cụ thể như sau:*

I. THỜI GÌ LÀM VIỆC

Thời giờ làm việc nêu tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 195-CP là thời giờ làm việc bình thường áp dụng chung cho mọi đối tượng lao động.

Thời giờ làm việc trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được rút ngắn từ một đến hai giờ quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 195-CP do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc thoả thuận.

II. THỜI GÌ NGHỈ NGƠI

1. Nghỉ giữa ca.

Thời gian nghỉ giữa ca nêu tại Điều 7 của Nghị định số 195-CP được coi là thời giờ làm việc trong ca liên tục 8 giờ trong điều kiện bình thường hoặc làm việc 7 giờ; 6 giờ liên tục trong trường hợp được rút ngắn. Thời gian nghỉ cụ thể tùy thuộc vào tổ chức lao động của đơn vị, doanh nghiệp, không nhất thiết mọi người lao động phải nghỉ cùng một lúc giữa ca.

2. Nghỉ hàng năm

a) Thời gian để tính nghỉ hàng năm là theo năm dương lịch:

- Nếu người lao động có thời gian làm việc đủ 12 tháng kể cả thời gian được coi là thời gian làm việc quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 195-CP, thì được nghỉ hàng năm đủ số ngày quy định tại Điều 74 của Bộ Luật Lao động.

- Nếu chưa đủ 12 tháng, thì ngày nghỉ hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm.

- Trong một năm làm việc, người lao động có tổng thời gian nghỉ (cộng dồn) do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quá 6 tháng (144 ngày làm việc); hoặc nghỉ do ốm đau quá 3 tháng (72 ngày làm việc), thì thời gian đó không được tính để hưởng chế độ nghỉ hàng năm của năm ấy.

b) Mức nghỉ hàng năm.

Thời gian nghỉ hàng năm: 12; 14 hoặc 16 ngày là ngày làm việc người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương quy định như sau:

- 12 ngày làm việc đối với người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường.

- 14 ngày làm việc đối với:

+ Người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Người lao động dưới 18 tuổi.

+ Người làm công việc trong điều kiện lao động bình thường ở vùng có hệ số phụ cấp khu vực 0,70 trở lên theo quy định tại Thông tư số 15-LĐTBXH/TT ngày 2-6-1993 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các văn bản bổ sung.

Ví dụ: Công nhân A đang làm công việc có điều kiện lao động bình thường, hàng năm được nghỉ ở mức 12 ngày/năm. Năm 1995 công ty cử công nhân A lên làm việc ở vùng có hệ số phụ cấp khu vực 0,70, thì thời gian nghỉ hàng năm của năm 1995 của công nhân A được nghỉ 14 ngày.

- 16 ngày làm việc đối với:

+ Người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm ở vùng có hệ số phụ cấp khu vực 0,70 trở lên.

Ví dụ: Kỹ sư A và kỹ sư B đang làm việc ở văn phòng Viện Nghiên cứu hạt nhân mức nghỉ hàng năm là 12 ngày. Năm 1995 kỹ sư A được điều xuống làm việc 5 tháng và kỹ sư B được điều xuống làm việc 7 tháng ở một cơ sở làm công việc có quy định nghỉ hàng năm là 16 ngày. Như vậy năm 1995 kỹ sư A được nghỉ hàng năm 12 ngày, kỹ sư B được nghỉ hàng năm 16 ngày.

Trong một năm, người lao động làm việc đủ 12 tháng, nếu có thời gian làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc vùng có mức phụ cấp khu vực nói trên từ 6 tháng trở lên thì cũng được nghỉ hàng năm ở mức 14 ngày, hoặc 16 ngày.

c) Tính ngày đi đường:

Thời gian đi đường được tính thêm tại Khoản 3 của Điều 9 trong Nghị định số 195-CP chỉ tính một lần trong mỗi năm làm việc của người lao động. Nếu trong một năm người lao động chia kỳ nghỉ hàng năm ra nhiều lần nghỉ, thì chỉ được tính thời gian đi đường một lần.

Trong thời gian đi đường hoặc ở nơi nghỉ hàng năm, người lao động bị ốm đau, phải chờ đợi do gặp thiên tai (bão, lụt), hoả hoạn, hoặc cần phải thực hiện công việc theo yêu cầu khẩn cấp về an ninh, quốc phòng, nếu có xác nhận của chính quyền sở tại nơi xảy ra sự cố, thì thời gian đó được coi là thời gian nghỉ hợp pháp. Việc trả lương cho những ngày nghỉ này do người lao động và người sử dụng lao động thoả thuận và được ghi nhận trong hợp đồng lao động hoặc trong thoả ước lao động tập thể. Riêng trường hợp ốm đau thì thời gian đó được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

d) Thanh toán tiền tàu, xe và tiền lương ngày đi đường.

Người làm việc ở những vùng xa xôi hẻo lánh (vùng núi cao, vùng sâu, hải đảo xa theo danh mục của Ủy ban Dân tộc và Miền núi quy định tại Quyết định số 21-UB/QĐ ngày 26-1-1993 và các quyết định bổ sung), được người sử dụng lao động thanh toán tiền tàu, xe và tiền lương cho những ngày đi đường ở trong nước trong trường hợp nghỉ hàng năm để đi thăm vợ hoặc chồng; con; bố, mẹ (kể cả bên chồng hoặc bên vợ).